TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/HSST
Ngày 24 - 6 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Quốc Phòng - Giáo viên nghỉ hưu phường Châu Giang.

Ông Đỗ Văn Đông - Cán bộ hưu phường Hòa Mạc .

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Khánh Vy - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên*** tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2024/TLST - HS ngày 10/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 71/2024/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 6 năm 2024 đối với:

- Các bị cáo:

1. Phạm Văn H, sinh năm 1986, tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Thôn Đ, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Phạm Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1; vợ: Hoàng Thị H1; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: từ ngày 16/12/2023 đến ngày 25/12/2023 chuyển sang tạm giam; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

2. Nguyễn Văn C, sinh năm 1993, tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T1; vợ: Nông Thị Hải Y, con: 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: từ ngày 16/12/2023 đến ngày 25/12/2023 chuyển sang tạm giam; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

3. Đinh Ngọc Đ, sinh năm 2004, tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Tổ dân phố số C, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đinh Văn

T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y1; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: từ ngày 16/12/2023 đến ngày 25/12/2023 chuyển sang tạm giam; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1986, tên gọi khác: Không; nơi cư trú: SN F D, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Trại Nấm M, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn T3 (đã chết) và bà Lê Thị N2 (đã chết); vợ: Vy Thị M (đã ly hôn), con: Có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/4/2016 Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", ra trại ngày 07/9/2017; tạm giữ: từ ngày 16/12/2023 đến ngày 25/12/2023 chuyển sang tạm giam; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

5. Mai Thị Quỳnh T4, sinh ngày 17/10/2007, tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Mai Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị T5; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: từ ngày 16/12/2023 đến ngày 25/12/2023 chuyển sang tạm giam; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Mai Thị Quỳnh T4*: Ông Mai Văn Đ1, sinh năm 1970 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị T5 (có mặt), sinh năm 1973; người đại diện theo chỉ định: Anh Mai Văn D (có mặt), sinh năm 1998; cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Chị Vì Thị Thu L, sinh ngày 21/7/2009 (có mặt), nơi ĐKNKTT: Xóm Đ, xã G, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố số C, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Xa Văn V (vắng mặt), sinh năm 1987, bà Hà Thị Đ2 (có mặt), sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm Đ, xã G, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình; người đại diện theo chỉ định: Bà Lại Thị Tú A (vắng mặt) - Phó bí thư Hội liên hiệp Phụ nữ phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

+ Anh Lê Trung H2, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

+ Ông Đỗ Đức H3, sinh năm 1960, địa chỉ: A F1 Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Số B, đường C, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam N5, Cục C2, Bộ C3; địa chỉ: xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Anh Vũ Văn K, sinh năm 1988, nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

+ Chị Đỗ Thị L1, sinh năm 1994, nơi thường trú: Thôn B, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Tổ dân phố số C, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị N3, sinh năm 1990, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

+ Chị Nông Thị Hải Y, sinh năm 1999, nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

- *Người chứng kiến*: Trương Thị L2, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 16/12/2023 tại tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh H phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy Công an thị xã D kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T; Phạm Văn H, Đinh Ngọc Đ; Mai Thị Quỳnh T4 (sinh ngày 17/10/2007), Nguyễn Văn C và Vì Thị Thu L (sinh ngày 21/7/2009) đang có hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà trọ của Nguyễn Văn T tại tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Lực lượng Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra còn xác định được trước đó: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 15/12/2023 tại trang trại của Phạm Văn H tại thôn Đ, xã Y, thị xã D, Phạm Văn H sử dụng điện thoại của mình, số thuê bao 0393.736910 nhắn tin, gọi điện qua ứng dụng zalo điện thoại có số thuê bao 0923.898. 000 của Đinh Ngọc Đ để hỏi mua 01 chỉ ma túy Ke sử dụng, Đ đồng ý rồi một mình điều khiển xe mô tô Honda Wave màu xanh, đeo BKS: 90D1-177.12 đi đến khu vực Khu đô thị Đ, thị xã D mua của 01 người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ 01 chỉ ma tuý Ke với giá 1.500.000 đồng. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô 90D1 - 177.12 đi đến trang trại của Phạm Văn H rồi bán cho H 01 chỉ ma túy Ke với giá 2.000.000 đồng. Do không biết xào ma túy Ke nên H nhờ Đ xào hộ ma túy K1 để sử dụng. H lấy 01 đĩa sứ màu trắng ở trong phòng ngủ của H đưa cho Đ, Đ cầm đĩa sứ H đưa rồi sử dụng bật lửa của H để sẵn ở trên bàn bật lên hơ nóng phần đáy đĩa, sau đó Đ đổ toàn bộ số ma tuý Ke trong túi nilon mà H vừa mua trước đó lên mặt đĩa sứ và bảo H lấy thẻ cứng cho Đ để xào ma túy Ke. Thấy Đ nói vậy, H lấy 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn H đưa cho Đ. Đ cầm thẻ căn cước H đưa rồi đảo, xào ma túy K1. Sau đó, H đưa cho Đ tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, Đ đổ số ma túy K1 vừa xào vào tờ tiền 2.000 đồng rồi H gói tờ tiền lại bỏ vào trong ví của H, còn thừa lại một ít ma túy Ke trên đĩa thì H hít qua mũi vào cơ thể. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô đi về.

Sau khi sử dụng ma túy Ke xong, khoảng 01 giờ ngày 16/12/2023, Phạm Văn H tiếp tục sử dụng điện thoại của mình nhắn tin qua ứng dụng zalo cho Nguyễn Văn C rủ đến trang trại của H tại thôn Đ, xã Y, thị xã D để sử dụng ma túy, C đồng ý. Khoảng 02 giờ ngày 16/12/2023, Nguyễn Văn C rủ Mai Thị Quỳnh T4 đến trang trại của Phạm Văn H để sử dụng ma túy, T4 đồng ý. Sau đó C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu AIRBLADE, đeo BKS: 49M1 - 200.62 chở T4 đến trang trại của H. Tại đây, Phạm Văn H lấy ra 01 túi nilon màu trắng, loại túi có kẹp zíp, bên trong có 02

viên ma túy kẹo đưa C sử dụng. C cầm túi nilon đựng ma túy kẹo H đưa rồi lấy một viên ma túy kẹo bẻ thành nhiều mảnh nhỏ, C sử dụng 01 mảnh viên ma túy kẹo và đưa cho T4 01 mảnh viên ma túy kẹo để sử dụng bằng cách uống với nước lọc, sau đó cả 03 cùng nhau ngồi nghe nhạc. Khoảng 30 phút sau, Phạm Văn H rủ Nguyễn Văn C và Mai Thị Quỳnh T4 đi thuê phòng để tiếp tục sử dụng ma túy, C và T4 đồng ý. Phạm Văn H sử dụng điện thoại di động của mình có số thuê bao 0393.736.910, gọi điện đến số thuê bao 0923.898.000 của Đinh Ngọc Đ, nhờ Đ đặt phòng để H, C và T4 sử dụng ma túy, Đ đồng ý. Sau đó, Đ sử dụng điện thoại của mình gọi đến điện thoại di động của Nguyễn Văn T qua zalo, hiện đang thuê nhà của vợ chồng anh Vũ Mạnh C1 - sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thị N3, sinh năm 1990 trú tại tổ dân phố T, phường D, thị xã D để đặt phòng hộ H sử dụng ma túy. T đồng ý cho thuê phòng để sử dụng ma túy nên bảo Đ giá tiền thuê phòng mỗi giờ là 400.000 đồng. Đ đồng ý nhưng thống nhất với T là báo cho H với giá 600.000đ/01giờ, số tiền chênh lệch 200.000đ/01giờ, Đ và T sẽ chia đôi. Sau khi đặt phòng xong, Đinh Ngọc Đ gọi điện lại cho Phạm Văn H để báo giá tiền thuê phòng là 600.000đ/01 giờ, H đồng ý rồi cầm toàn bộ số ma túy kẹo, ke còn lại và gọi xe taxi của một người không quen biết chở H, C và T4 đến tổ dân phố T, phường D, thị xã D. Khi đi đến khu vực nhà nghỉ R ở gần gầm cầu vượt Đ, thị xã D, Phạm Văn H gọi điện cho Đinh Ngọc Đ ra đón. Lúc này Đ điều khiển xe mô tô 90D1 - 177.12 chở theo một nhân viên nữ đến đón H, C, T4 đến nhà trọ của T. Đến nơi, Nguyễn Văn T ra mở cửa cho nhóm của Đ vào và sắp xếp cho Đ, H, T4, C vào phòng ở tầng 1. Do không thích nhân viên viên nữ đi cùng Đ nên H bảo Đ cho nhân viên đó ra ngoài. Sau đó, Đ dùng điện thoại của mình kết nối với loa trong phòng để bật nhạc sàn rồi Đ ra ngoài quầy lễ tân cầm 01 đĩa sứ màu trắng mà T đưa cho Đ mang vào phòng hát. Đ đi vào nhà vệ sinh để hơ nóng đĩa, cùng lúc này Mai Thị Quỳnh T4 đi vào nhà vệ sinh nên T4 bảo Đ đưa lại đĩa cho T4 để T4 hơ nóng đĩa. Sau khi hơ đĩa xong, T4 mang đĩa ra phòng rồi đưa đĩa cho Đ. Lúc này, Đ hỏi H *"Số ke em xào cho anh ở trang trại đâu"*. Thấy vậy, H đã bỏ toàn bộ số ma túy ke được gói trong tờ tiền 2.000 đồng đưa cho Đ. Đ cầm tờ tiền rồi đổ hết số ma túy ke đó ra đĩa và hỏi H có thẻ nhựa cứng nào không thì đưa cho Đ. Do H không có thẻ nhựa cứng nào nên H hỏi C *"Có cầm cái căn cước hay thẻ cứng nào không"*. C lấy ra trong người một chiếc thẻ cứng đưa cho H, H cầm và đưa lại cho Đ. Đ cầm thẻ cứng xào lại số ma túy ke đó rồi bảo H lấy một tờ tiền ra để cuộn thành ống hút hít ma túy. H liền lấy ra tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng đưa cho C để cuộn ống hút sử dụng ma túy Ke nhưng do không biết cuộn nên C đã đưa tờ tiền đó cho T4, T4 cầm tờ tiền và cuộn thành ống hút để dùng vào việc sử dụng ma túy còn Đ khi đó lấy phần vỏ của đầu lọc điếu thuốc lá đưa cho T4 để T4 cố định tờ tiền đã cuộn. Sau đó, T4 sử dụng thẻ nhựa cứng kẻ ma túy Ke thành nhiều đường nhỏ trên mặt đĩa sứ, H dùng điện thoại bật đèn flash để soi cho T4 nhưng T4 bảo H tắt đi vì không cần phải soi. Sau đó T4 bê đĩa ma tuý Ke lần lượt mời H, C, Đ sử dụng bằng cách dùng ống hút cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng hít ma tuý Ke trên đĩa qua mũi vào cơ thể, bản thân T4 khi đó cũng sử dụng 04 đường ma túy Ke bằng hình thức hít. Một lúc sau, Nguyễn Văn C hỏi Phạm Văn H *"Viên kẹo còn lại đâu anh"*, thấy vậy H lấy trong ví ra túi nilon có chứa ma túy kẹo mà H mang theo từ trang trại đưa cho C. C cầm và để túi nilon có chứa ma tuý kẹo đó

lên mặt bàn phòng hát. Một lúc sau, H bảo Đ gọi cho 01 nhân viên nữ. Đ đồng ý rồi Đ điều khiển xe mô tô 90D1 - 177.12 đi đón Vì Thị Thu L, sinh ngày 21/7/2009 hiện đang thuê trọ tại tổ dân phố số C, phường H, thị xã D. Sau đó, L vào phòng ngồi cạnh H rồi T4 bê đĩa ma túy ke cho L sử dụng, L đã sử dụng 02 đường ma túy ke. Lúc này, thấy hết ma túy ke nên H bảo Đ bán cho 01 chỉ ma túy ke. Đ đồng ý rồi đi ra ngoài hỏi mua 01 chỉ ma túy Ke của Nguyễn Văn T, T đồng ý và bán với giá 1.500.000 đồng/chỉ. Thấy vậy, Đ đi vào phòng báo cho H là 01 chỉ ma túy Ke có giá 2.000.000 đồng. H đồng ý và lấy ra 2.000.000 đồng đưa cho Đ. Đ cầm tiền H đưa mang ra đưa cho T số tiền 1.500.000 đồng, còn lại Đ chiếm hưởng 500.000 đồng. T cầm tiền Đ đưa cất vào túi quần đang mặc rồi đưa lại cho Đ 01 chỉ ma túy Ke đựng trong túi nilon mầu trắng, loại túi có kẹp zíp. Đ cầm túi nilon đựng ma túy ke mang vào phòng rồi dùng bật lửa hơ đĩa sau đó đổ số ma tuý đó ra đĩa và dùng thẻ nhựa để xào số ma tuý trên. Sau khi xào xong, Đ đi ra ngoài. Lúc này, do không thấy ống hút được cuộn từ tờ tiền 100.000 đồng đâu nên Mai Thị Quỳnh T4 hỏi xin Nguyễn Văn C 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng để T4 cuộn ống hút khác. C đồng ý và đưa cho T4 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng để T4 cuốn ống hút sử dụng ma túy. T4 cầm tờ tiền Chiến đưa cuộn thành ống hút rồi bê đĩa ma túy K1 cho H, C sử dụng ma túy, sau đó nằm nghe nhạc. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 16/12/2023, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh H đến kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ niêm phong vật chứng có liên quan và đưa về trụ sở Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy để làm việc.

Mở rộng điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thị xã D còn xác định được ngoài lần bán ma tuý Ke cho Phạm Văn H như đã nêu trên thì khoảng 21 giờ ngày 13/12/2023 tại trang trại của Phạm Văn H ở thôn Đ, xã Y, thị xã D, Đinh Ngọc Đ bán cho Phạm Văn H 04 viên ma tuý kẹo với giá 2.000.000 đồng. Phạm Văn H đã một mình sử dụng hết 02 viên ma túy kẹo, còn lại 02 viên ma túy kẹo H đưa cho C để sử dụng ngày 16/12/2023 như trên.

Vật chứng thu giữ, tạm giữ khi bắt quả tang gồm: Thu trong túi quần bò phía trước bên trái Nguyễn Văn T đang mặc gồm: 01 túi nilon trong suốt bên trong có 02 viên nén màu hồng, không rõ hình thù; 02 vỏ túi nilon trong suốt và 01 túi nilon trong suốt được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT01; T6 trong túi quần bò bên trái Nguyễn Văn T đang mặc 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT02; T6 trong ví giả da màu đen trong túi quần bò bên trái phía sau Nguyễn Văn T đang mặc 28 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT03; Thu trên mặt bàn kê trong phòng trọ của Nguyễn Văn T, nơi các đối tượng đang sử dụng trái phép chất ma túy: 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn (được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT05), trên mặt đĩa gồm có: Chất tinh thể màu trắng (Cơ quan điều tra đã cho chất tinh thể màu trắng trên mặt đĩa vào túi nilon trong suốt được hàn kín); 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, cố định bằng ba vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 thẻ nhựa cứng màu xanh và 01 túi nilon trong suốt có kẹp nhựa bên trong có chứa nhiều mảnh viên nén màu trắng (Tất cả được cho vào túi nilon trong suốt, được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT04);

Cơ quan CSĐT Công an thị xã D, tỉnh Hà Nam đã ra lệnh và tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T tại Tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Vật chứng thu giữ, tạm giữ khi khám xét khẩn cấp gồm: Tạm giữ của Nguyễn Văn T 01 đầu thu Camera, có chữ: @Lhua, S/N 8C0B606PAZD301E, được niêm phong dán kín; tạm giữ của Nguyễn Văn T 01 xe ô tô đeo biển kiểm soát: 30N - 9129 màu đen, nhãn hiệu LEXUS, số khung: 4479848, số máy: 033383 (Tình trạng xã đã cũ, đã qua sử dụng, kèm theo chìa khóa xe); tạm giữ của Đinh Ngọc Đ 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA Wave màu xanh, đeo biển kiểm soát: 90D1 - 177.12, số khung RLHJA3927NY503671, số máy: JA39E – 2961066 (Tình trạng xe đã qua sử dụng, kèm theo chìa khóa xe). Tạm giữ của Nguyễn Văn C 01 xe mô tô, nhãn hiệu AIRBLADE, màu sơn đỏ, đeo biển kiểm soát: 49M1 - 200.62, số khung: RLHJF63321Z013795, số máy: JA39E – 2961066 (Tình trạng xe đã qua sử dụng, kèm theo chìa khóa xe) và 01 Thẻ căn cước công dân số 035086009681, mang tên Phạm Văn H.

Ngoài ra Cơ quan CSĐT Công an thị xã D còn thu giữ mẫu nước tiểu của Nguyễn Văn T, cho vào trong chai nhựa trong suốt, ký hiệu NT01; Phạm Văn H cho vào trong chai nhựa trong suốt, ký hiệu NT02; Đinh Ngọc Đ cho vào trong chai nhựa trong suốt, ký hiệu NT03; Mai Thị Quỳnh T4 cho vào trong chai nhựa trong suốt, ký hiệu NT04; Nguyễn Văn C cho vào trong chai nhựa trong suốt, ký hiệu NT05.

Tại bản kết luận giám định số 891/KL - KTHS ngày 22/12/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh H kết luận:

Mẫu viên nén màu hồng trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma tuý, có khối lượng 0,811 gam, loại Methamphetamine.

Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma tuý, có khối lượng 0,272 gam, loại Ketamine.

02 túi nilon màu trắng trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định có bám dính ma tuý loại Ketamine và M1.

Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu QT04 gửi giám định là ma tuý, có khối lượng 0,557 gam, loại Ketamine.

Mẫu mảnh viên nén màu trắng trong phong bì ký hiệu QT04 gửi giám định là ma tuý, có khối lượng 0,412 gam, loại MDMA.

01 thẻ nhựa cứng màu xanh, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng trong phong bì ký hiệu QT04 gửi giám định có bám dính ma tuý loại Ketamine.

01 đĩa sứ hình tròn màu trắng trong phong bì niêm phong ký hiệu QT05 gửi giám định có bám dính ma tuý loại Ketamine.

Tại bản kết luận giám định số 892/KL - KTHS ngày 22/12/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh H kết luận:

Tìm thấy chất D1, N4 là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu ký hiệu NT01 gửi giám định.

Tìm thấy chất ma túy MDMA và D1, N4 là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu ký hiệu NT02 gửi giám định.

Tìm thấy chất ma túy Ketamine và D1, N4 là sản phẩm chuyển hoá của chất ma tuý Ketamine trong mẫu nước tiểu ký hiệu NT03 gửi giám định.

Tìm thấy chất ma túy MDMA, Ketamine và D1, N4 là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu ký hiệu NT04, NT05 gửi giám định.

Tìm thấy chất D1 là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu ký hiệu NT06 gửi giám định.

Về nguồn gốc số ma tuý (kẹo, ke) Đinh Ngọc Đ đã bán cho Phạm Văn H tại trang trại của H ở thôn Đ, xã Y ngày 13/12/2023 và 15/12/2023: Đinh Ngọc Đ khai nhận mua của một người đàn ông không xác định được tên tuổi, địa chỉ ở khu vực Đ 04 viên ma tuý kẹo với giá 1.600.000 đồng và 01 chỉ ma tuý Ke với giá 1.500.000 đồng rồi bán.

Về nguồn gốc số ma tuý Ke Nguyễn Văn T đã bán cho Đinh Ngọc Đ và số ma tuý kẹo (02 viên), ke đã bị Cơ quan Công an phát hiện thu giữ: Nguyễn Văn T khai nhận mua của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ tại thành phố Hà Nội để sử dụng và bán kiếm lời. Sau khi mua được số ma tuý K1, T chia số ma tuý đó ra làm 02 phần đựng vào 02 túi nilon màu trắng, loại túi có kẹp zíp và cất giữ trên người. Rạng sáng ngày 16/12/2023, T đã bán 01 túi nilon đựng ma tuý Ke cho Đ với giá 1.500.000 đồng; 02 viên ma túy kẹo và số ma túy K1 còn lại T để trong túi quần và đã bị lực lượng công an phát hiện, thu giữ.

Cáo trạng số 67/CT - VKS - DT ngày 09/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam truy tố Phạm Văn H, Nguyễn Văn C về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố Đinh Ngọc Đ về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Văn T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố Mai Thị Quỳnh T4 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Văn H mức án từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù;

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn C mức án từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù;

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 255, điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt Đinh Ngọc Đ mức án từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đinh Ngọc Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 16 năm 06 tháng đến 17 năm 06 tháng tù;

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T mức án từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 12 đến 13 năm tù;

Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Mai Thị Quỳnh T4 mức án từ 06 năm đến 07 năm tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về xử lý vật chứng, hình phạt bổ sung và tuyên án phí đối với các bị cáo. Truy thu số tiền 1.400.000 đồng do bị cáo Đinh Ngọc Đ hưởng lợi từ việc phạm tội mà có.

Tại phiên toà: Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt và không có tranh luận gì.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T4 (bà T5, anh D); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị L và người đại diện Đường, anh H2, anh K, chị L1, chị Y có mặt đều không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sơ nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố, những người tiến hành tố tụng nêu trên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh, tính chất, mức độ tội phạm:* Xét lời khai của các bị cáo tại phiên toà là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 13/12/2023 tại trang trại của Phạm Văn H tại thôn Đ, xã Y, thị xã D, Đinh Ngọc Đ đã bán trái phép 04 viên ma túy kẹo với giá 2.000.000 đồng cho Phạm Văn H (Đinh Ngọc Đ hưởng lợi số tiền 400.000 đồng từ việc bán ma tuý cho Phạm Văn H). Sau đó, H một mình sử dụng hết 02 viên ma túy kẹo và cất giấu 02 viên ma túy kẹo.

Khoảng 23 giờ ngày 15/12/2023, tại trang trại của Phạm Văn H tại thôn Đ, xã Y, thị xã D, Đinh Ngọc Đ bán cho Phạm Văn H 01 chỉ ma túy Ke với giá 2.000.000 đồng (Đinh Ngọc Đ hưởng lợi số tiền 500.000 đồng từ việc bán ma tuý cho Phạm Văn H) Do H không biết xào K1 nên H bảo Đ xào Ke hộ H. H đưa cho Đ 01 chiếc đĩa sứ rồi Đ đổ gói ma túy Ke H4 vừa mua lên đĩa và lấy bật lửa của H4 hơ nóng dưới đáy đĩa. H4 đưa cho Đ thẻ căn cước công dân của H4 rồi Đ dùng

thẻ căn cước này xào K1. Sau đó H4 đưa cho Đ tờ tiền 2.000 đồng để Đ đổ K1 vừa xào vào rồi H4 gói tờ tiền lại cất đi, số ma túy còn lại trên đĩa, H4 đã hít vào cơ thể qua mũi.

Khoảng 01 giờ ngày 16/12/2023, Phạm Văn H gọi điện nhắn tin rủ Nguyễn Văn C đến trang trại của H tại thôn Đ, xã Y, thị xã D để sử dụng ma túy. C đồng ý rồi rủ Mai Thị Quỳnh T4 đến trang trại của H để sử dụng ma túy. Sau đó, C điều khiển xe mô tô chở T4 đến trang trại của H. Tại đây, H lấy ra 01 túi nilon bên trong có 02 viên ma túy ngựa đưa cho C sử dụng. C cầm túi nilon đựng ma túy kẹo H đưa rồi lấy 01 viên kẹo bẻ thành nhiều mảnh, C sử dụng 01 mảnh ma túy kẹo và đưa cho T4 01 mảnh ma túy kẹo để sử dụng. Số ma túy kẹo còn lại H cất giữ.

Khoảng 03 giờ ngày 16/12/2023, H tiếp tục rủ C và T4 đi thuê phòng để sử dụng ma túy. H gọi điện cho Đinh Ngọc Đ để nhờ Đ thuê phòng sử dụng ma túy. Sau đó, Đ liên hệ thuê phòng của Nguyễn Văn T ở tổ dân phố T, phường D, thị xã D thuê phòng sử dụng ma túy, T đồng ý. T sắp xếp cho nhóm của H, C, T4 vào phòng ở tầng 1 để sử dụng ma túy. Đ sử dụng điện thoại kết nối với loa trong phòng để mở nhạc sàn. T đưa cho Đ 01 chiếc đĩa sứ để Đ mang vào phòng, T4 dùng bật lửa hơ nóng đĩa rồi đưa lại cho Đ. H đưa cho Đ số ma túy K1 được gói trong tờ tiền 2.000 đồng mà Đ đã xào trước đó. Đ cầm rồi đổ toàn bộ số ma túy K1 ra đĩa, H bảo C đưa cho H 01 chiếc thẻ nhựa. H cầm thẻ nhựa C đưa rồi đưa cho Đ để xào ke. Sau đó H đưa tờ tiền 100.000 đồng cho T4 để T4 và Đ cuốn thành tờ ống hút để sử dụng ma túy Ke. T4 sử dụng thẻ nhựa kẻ ma túy thành các đường thẳng rồi đưa cho H, C sử dụng bằng cách dùng ống hút cuộn bằng tờ tiền 100.000 đồng hít ma túy Ke trên đĩa qua mũi vào cơ thể, T4 cũng tự sử dụng 04 đường ma túy Ke bằng hình thức hít. Sau đó, H bảo Đ gọi và đón Vì Thị Thu L đến để sử dụng ma túy, tại đây T4 đưa cho L đĩa ma túy Ke để L tự sử dụng 02 đường ma túy Ke bằng hình thức hít. Do hết ma túy K1 nên H bảo Đ bán cho 01 chỉ ma túy Ke, Đ đồng ý rồi mua của Nguyễn Văn T 01 chỉ ma túy Ke với giá 1.500.000 đồng, sau đó Đ bán cho H chỉ ma túy ke này với giá 2.000.000 đồng (Đinh Ngọc Đ hưởng lợi số tiền 500.000 đồng từ việc bán ma tuý cho Phạm Văn H). Đ vào phòng xào ma túy K1 cho H rồi đi ra ngoài. Do không thấy ống hút đâu nên C đưa cho T4 tờ tiền 10.000 đồng để T4 cuốn thành ống hút, rồi các đối tượng tiếp tục sử dụng ma túy. Đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 16/12/2023 thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Tính đến thời điểm vụ án xảy ra, Mai Thị Quỳnh T4 mới 16 tuổi 01 tháng 29 ngày và Vì Thị Thu L mới 14 tuổi 04 tháng 25 ngày, đều là người dưới 18 tuổi.

Hành vi nêu trên của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma tuý của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật trự trị an tại địa phương. Hành vi nêu trên của Phạm Văn H và Nguyễn Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; hành vi của Đinh Ngọc Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; hành vi của Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy

định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; hành vi của Mai Thị Quỳnh T4 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét vai trò của các bị cáo:*

Đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Phạm Văn H là người khởi xướng, rủ rê, mua ma túy cho mọi người sử dụng, thuê phòng để sử dụng ma túy, đưa tờ tiền 100.000 đồng cho Mai Thị Quỳnh T4, Đinh Ngọc Đ để cuộn thành ống hút ma túy nên giữ vai trò đầu. Nguyễn Văn C có hành vi đưa ma túy kẹo cho Mai Thị Quỳnh T4 sử dụng, rủ T4 đi sử dụng ma túy, đưa thẻ nhựa cho H để xào K1, đưa tờ tiền 10.000 đồng cho T4 để cuộn ống hút sử dụng ma túy; Đinh Ngọc Đ có hành vi đưa đĩa sứ vào trong phòng trọ, hơ nóng đĩa để xào ma túy K1, thuê hộ phòng để sử dụng ma túy, kết nối điện thoại với loa để bật nhạc sàn, quấn ống hút, xào Ke là đồng phạm giúp sức giữ vai trò thứ hai. Mai Thị Quỳnh T4 kẻ đường Ke cho mọi người sử dụng, quấn ống hút, đưa đĩa ma túy cho mọi người sử dụng; Nguyễn Văn T cho thuê địa điểm để sử dụng ma túy, đưa đĩa sứ cho Đ mang vào phòng để xào Ke là đồng phạm giúp sức giữ vai trò thứ ba.

Đối với tội "Mua bán trái phép chất ma tuý": Các bị cáo Đinh Ngọc Đ, Nguyễn Văn T giữ vai trò như nhau.

[4] *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự (TNHS):*

Về nhân thân: Các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn C, Đinh Ngọc Đ, Mai Thị Quỳnh T4 đều là người có nhân thân tốt. Bị cáo Nguyễn Văn T là người có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn C, Phạm Văn H có thân nhân là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà người đại diện hợp pháp cho bị cáo T4 có nộp đơn xin giảm án (có xác nhận của chính quyền địa phương) nhưng nội dung đơn chỉ trình bày về việc gia đình đi làm ăn, công việc bận rộn nên không quản lý được bị cáo T4 dẫn đến việc bị cáo phạm tội nên không có căn cứ để để xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] *Về hình phạt:* Xét tính chất phạm tội do các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, vì thế cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo Mai Thị Quỳnh T4 16 tuổi 01 tháng 29 ngày nên được áp dụng quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo. Do các bị cáo đều là người không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] *Về các hành vi khác, đối tượng khác trong vụ án:*

Đối với nguồn gốc ma tuý và người đã bán ma tuý cho Đinh Ngọc Đ và Nguyễn Văn T: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Đinh Ngọc Đ khai nhận mua của một người đàn ông không xác định được tên tuổi, địa chỉ ở khu vực Đ 04 viên ma tuý kẹo với giá 1.600.000 đồng và 01 chỉ ma tuý Ke với giá 1.500.000 đồng rồi bán; Nguyễn Văn T khai nhận mua của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ tại thành phố Hà Nội để sử dụng và bán kiếm lời. Ngoài lời khai của Đ và T thì không còn tài liệu nào khác xác định hai người đàn ông đã bán ma túy cho Đ và T là ai nên không có căn cứ xác minh xử lý là có căn cứ.

Đối với Vì Thị Thu L có hành vi "*Sử dụng trái phép chất ma tuý*". Công an thị xã D đã xử phạt vi phạm hành chính, hình thức Cảnh cáo đối với hành vi của L theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/NĐ -CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là đúng pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị N3 là người cho Nguyễn Văn T thuê lại nhà của vợ chồng chị để ở: Ngày 16/12/2023 Nguyễn Văn T cho các đối tượng Phạm Văn H, Đinh Ngọc Đ, Nguyễn Văn C, Mai Thị Quỳnh T4, Vì Thị Thu L đến để sử dụng trái phép chất ma tuý nhưng chị N3 không biết việc các đối tượng sử dụng trái phép chất ma tuý nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét xử lý với vai trò đồng phạm về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý*" cũng như về tội *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý"* là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] *Về vật chứng vụ án:*

Đối với 02 phong bì niêm phong có số 891/KTHS, 01 gói niêm phong có số 891/KTHS là mẫu vật hoàn trả sau giám định, là công cụ sử dụng ma tuý (bên trong có 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng) là vật cấm lưu hành nên tịch thu cho tiêu hủy 02 phong bì niêm phong có số 891/KTHS, 01 gói niêm phong có số 891/KTHS, còn tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 10.000 đồng.

Đối với 01 căn cước công dân số 035086009681 mang tên Phạm Văn H được H dùng làm công cụ phạm tội nhưng đây là giấy tờ tuỳ thân của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung thu của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số IMEI 352840112339398 thu giữ của Phạm Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số IMEI: 353103105626431 thu giữ của Đinh Ngọc Đ là công cụ các bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số IMEI 357677123087623 thu giữ của Mai Thị Quỳnh T4 là tài sản của bị cáo T4, không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 đầu thu đã cũ nhãn hiệu @Lhua màu đen thu giữ của Nguyễn Văn T, là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA Wave màu xanh, gắn biển kiểm soát: 90D1 - 177.12 thu giữ của Đinh Ngọc Đ: Quá trình điều tra xác định bị cáo

Đ mượn của chị Đỗ Thị L1. Nhưng trên thực tế đã tiến hành xác minh, xác định chủ xe là anh Lê Trung H2 và anh H2 xác nhận trước đó có đến phòng trọ của chị L1 chơi và để lại chiếc xe cùng chìa khoá xe cho chị L1 mượn. Bản thân anh H2 và chị L1 hoàn toàn không biết việc bị cáo Đinh Ngọc Đ sử dụng chiếc xe mô tô BKS 90D1 - 177.12 làm phương tiện phạm tội. Tra cứu dữ liệu xe mô tô tang vật, chiếc xe mô tô BKS 90D1 - 177.12 không thuộc tang vật của vụ án nào. Do đó, cần trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu là anh Lê Trung H2 là có căn cứ pháp lý.

Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu AIRBLADE, màu sơn đỏ, gắn biển kiểm soát: 49M1 - 200.62 là tài sản riêng của bị cáo Nguyễn Văn C, bị cáo C dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu LEXUS màu đen, gắn biển kiểm soát: 30N – 9129 thu giữ của Nguyễn Văn T: Quá trình điều tra xác định được chủ xe theo đăng ký là ông Đỗ Văn H5, ông H5, anh K2 khai nhận đã mua bán chiếc xe trên nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho anh Vũ Văn K. Tra cứu trong dữ liệu xe tang vật xác định chiếc ô tô BKS 30N - 9129 không thuộc tang vật của vụ án nào và chiếc xe ô tô trên không liên quan đến tội phạm vì vậy cần trả lại chiếc xe ô tô trên cho anh Vũ Văn K.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng gồm 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn T là tiền T có được do bán trái phép chất ma tuý cho Đinh Ngọc Đ nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 2.900.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn T: Qua quá trình điều tra và tại phiên toà xác định số tiền trên là tài sản của bị cáo Thắng T do lao động mà có, không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Đối với số tiền bán ma tuý của bị cáo Đinh Ngọc Đ vào các ngày 13/12/2023 là 2.000.000 đồng; ngày 15/12/2023 là 2.000.000 đồng và 2.000.000 đồng ngày 16/12/2023 cho Phạm Văn H, tổng là 6.000.000 đồng nhưng trên thực tế bị cáo Đức ứng tiền ra mua chịu ma tuý của các đối tượng, sau khi bán ma tuý cho Phạm Văn H, nhận tiền từ Phạm Văn H bị cáo Đ mới thanh toán cho người bán ma tuý nên trên thực tế bị cáo Đinh Ngọc Đ chỉ hưởng lợi, chênh lệch từ việc bán ma tuý cho H số tiền 1.400.000 đồng (ngày 13/12/2023 hưởng lợi là 400.000 đồng; ngày 15/12/2023, ngày 16/12/2023 mỗi ngày hưởng lợi là 500.000 đồng) nên cần phải truy thu bị cáo Đ số tiền 1.400.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[9] *Về án phí hình sự sơ thẩm:* Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự:

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn C;

Áp dụng điểm điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đinh Ngọc Đ;

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T;

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mai Thị Quỳnh T4.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn C, Đinh Ngọc Đ, Nguyễn Văn T, Mai Thị Quỳnh T4 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý". Các bị cáo Đinh Ngọc Đ, Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn H 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2023.

Bị cáo Nguyễn Văn C 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2023.

Bị cáo Đinh Ngọc Đ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý và 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đinh Ngọc Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2023.

Bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2023.

Bị cáo Mai Thị Quỳnh T4 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu cho tiêu huỷ: 02 phong bì niêm phong có số 891/KTHS, 01 gói niêm phong có số 891/KTHS.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số IMEI 352840112339398; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số IMEI: 353103105626431; 01 xe mô tô, nhãn hiệu AIRBLADE, số tiền 1.500.000 đồng và 10.000 đồng (trong niêm phong số 891).

- Trả lại cho anh Vũ Văn K: 01 xe ô tô nhãn hiệu LEXUS màu đen, gắn biển kiểm soát: 30N - 9129.

- Trả lại cho anh Lê Trung H2: 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA Wave màu xanh, gắn biển kiểm soát: 90D1 - 177.12.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 2.900.000 đồng và 01 đầu thu đã cũ nhãn hiệu @Lhua màu đen.

- Trả lại cho Mai Thị Quỳnh T4 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số IMEI 357677123087623.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã D và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên ngày 13/5/2024, riêng số tiền 4.400.000 đồng đã được chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên ngày 13/5/2024).

3. Truy thu số tiền 1.400.000 đồng của bị cáo Đinh Ngọc Đ để sung ngân sách nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội: Buộc các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn C, Đinh Ngọc Đ, Nguyễn Văn T, Mai Thị Quỳnh T4 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tươi

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *TAND tỉnh Hà Nam;*
- *VKSND tỉnh Hà Nam;*
- *Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên;*
- *VKSND thị xã Duy Tiên;*
- *Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;*
- *Cơ quan THAHS Công an tx Duy Tiên;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;*
- *Bị cáo; đương sự*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*